

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 07 - 3 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Trịnh Hoàng Thám

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc K, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Ấp 8, xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trương Văn Đ, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Ấp 2, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Bà K có đơn yêu cầu xin vắng mặt, ông Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2021 nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc K trình bày:

Về hôn nhân: Được sự đồng ý của gia đình hai bên vào tháng 7 năm 2012 bà và ông Trương Văn Đ làm đám cưới chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng không có con chung. Đến năm 2018 vợ chồng luôn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đến năm 2019 vợ chồng ly thân đến nay. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trương Văn Đ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Trương Văn Đ, Tòa án nhân dân huyện U Minh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà K và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Ngọc K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Trương Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà K, ông Đ.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc K và ông Trương Văn Đ làm đám cưới chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định nên quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Ngọc K và ông Trương Văn Đ là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà Nguyễn Ngọc K yêu cầu ly hôn với ông Đ vì bà K xác định thời gian chung sống vợ chồng luôn phát sinh sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đ nhưng ông Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà K và cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà K và ông Đ không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Ngọc K ly hôn với ông Trương Văn Đ.

Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc K xác định quá trình chung sống không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc K xác định không có, không yêu cầu. Ông Đ cũng không có ý kiến gì đối với việc bà K xác định quá trình chung sống không có tài sản chung, không có nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc K. Bà Nguyễn Ngọc K được ly hôn với ông Trương Văn Đ.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà Nguyễn Ngọc K đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010134 ngày 13/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được thực hiện niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- UBND xã An Xuyên, thành phố Cà Mau;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mộng Chi